**Phụ lục số 2**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **(Tên Cơ sở CNNT) ………….. -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *……., ngày… tháng…năm...* |

**THUYẾT MINH, MÔ TẢ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn: .....................................................................................

Địa chỉ: ................................................................................................................................

Người đại diện: ............................................... ; Chức vụ: .................................................

Điện thoại: ...................................................... ; Email: .......................................................

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Tên sản phẩm: ....................................................................................................................

Sản phẩm đăng ký bình chọn thuộc một trong các nhóm sau:

|  |  |
| --- | --- |
| □ Thủ công mỹ nghệ | □ Chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm |
| □ Thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí | □ Khác (ghi rõ nhóm sản phẩm):... |

Kích cỡ (dài, rộng, cao): ......................................................................................................

Trọng lượng sản phẩm (kg): ...............................................................................................

Ký hiệu sản phẩm (nếu có): ...............................................................................................

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm: ......................................................................

**II. NỘI DUNG THÔNG TIN CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM**

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau:

**1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ**

*1.1. Quy mô sản xuất và kinh doanh:*

Số lượng sản phẩm sản xuất/năm: .......................

|  |  |
| --- | --- |
| Năm trước năm bình chọn………………. | Năm tham gia bình chọn:………………….. |

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn: ......................................................................

Trong đó: Số lượng sản phẩm xuất khẩu/năm: ..................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Năm trước năm bình chọn………………. | Năm tham gia bình chọn:………………….. |

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn: ......................................................................

Doanh thu của sản phẩm/năm: ...........................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| Năm trước năm bình chọn………………. | Năm tham gia bình chọn:………………….. |

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn: .......................................................................

Trong đó: Doanh thu của sản phẩm xuất khẩu/năm (nếu có): .............................................

|  |  |
| --- | --- |
| Năm trước năm bình chọn………………. | Năm tham gia bình chọn:………………….. |

Dự kiến hai năm liền kề sau năm bình chọn: .......................................................................

Nộp ngân sách nhà nước (năm trước và dự kiến năm hiện tại): .........................................

Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm: ............................................................

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng trong nước ……….%.

Tỷ lệ nguyên vật liệu chính sử dụng nhập khẩu ………..%.

Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm:

|  |  |
| --- | --- |
| □ Đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của thị trường và người tiêu dùng | □ Có khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu |
| □ Có khả năng sản xuất với số lượng lớn | □ Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm |
| □ Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác |
| □ Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):... |

Tóm tắt quy trình, công nghệ sản xuất sản phẩm: .............................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

Đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất sản phẩm.

|  |  |
| --- | --- |
| □ Công nghệ, thiết bị hiện đại; có khả năng tự động hóa trong sản xuất sản phẩm | □ Công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đồng bộ, phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp |
| □ Công nghệ, thiết bị ít tiêu hao năng lượng, nhiên liệu khi vận hành sản xuất | □ Công nghệ, thiết bị sản xuất giảm thiểu gây hại môi trường |
| □ Đánh giá khác (*ghi chi tiết*):…………………………………………………………………………......  ………………………………………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………………………………….. | |

***2.2. Về thị trường tiêu thụ:***

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường trong nước ………..%.

Tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ tại thị trường ngoài nước ………..%.

Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:.................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có):.....................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

**2. Bảo vệ môi trường**

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

**3. Tính văn hóa, tính thẩm mỹ của sản phẩm**

Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc: ...................................................

Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm: ..........................

Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp: ................................

**4. Một số nội dung khác**

Các chứng nhận liên quan: Quy định đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn thuộc nhóm ngành sản xuất có điều kiện theo quy định pháp luật; (ví dụ: Giấy phép sản xuất; Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...).

Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận:

.............................................................................................................................................

Các giải thưởng, bằng khen, giấy chứng nhận,...đã đạt được:

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

Tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:.................................................

Tham gia các hoạt động công ích xã hội: ...........................................................................

Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có): ......................................................................

.............................................................................................................................................

.............................................................................................................................................

**III. TỰ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN**

**.............................................................................................................................................**

**.............................................................................................................................................**

**.............................................................................................................................................**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện Cơ sở công nghiệp nông thôn** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |